

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 1

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100201	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	20/08/2005	10C2	
2	100401	ĐOÀN NGỌC MINH	ANH	01/10/2004	10C4	
3	100402	TRANG NGỌC	ANH	04/02/2005	10C4	
4	100301	LÊ QUỲNH	ANH	22/06/2005	10C3	
5	100202	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	31/12/2005	10C2	
6	100302	NGUYỄN TUẤN	ANH	27/12/2005	10C3	
7	100303	NGUYỄN CHÂU	ÂN	10/05/2005	10C3	
8	100501	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	03/01/2004	10C5	
9	100101	NGUYỄN CHÍ GIA	BẢO	02/10/2005	10C1	
10	100502	HUỲNH GIA	BẢO	05/01/2005	10C5	
11	100601	THÂN GIA	BẢO	31/03/2004	10C6	
12	100203	TRẦN GIA	BẢO	31/12/2005	10C2	
13	100304	TRẦN VÕ HOÀI	BẢO	23/03/2005	10C3	
14	100701	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	11/08/2005	10C7	
15	100403	TRANG THANH	BÌNH	23/02/2005	10C4	
16	100305	TRẦN THANH	BÌNH	07/03/2005	10C3	
17	100602	ĐẶNG NGỌC MINH	CHÂU	29/03/2005	10C6	
18	100702	ĐỖ NGUYỄN MINH	CHÂU	10/09/2005	10C7	
19	100204	ĐẶNG TRẦN THÀNH	CÔNG	06/01/2005	10C2	
20	100306	PHẠM HỒ KIM	CƯỜNG	26/10/2005	10C3	
21	100703	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	19/01/2005	10C7	
22	100205	VÕ MINH	CƯỜNG	05/03/2005	10C2	
23	100307	TRẦN NGỌC	DIỆP	26/03/2005	10C3	
24	100603	HUỲNH TẤN	DỪNG	16/06/2005	10C6	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 2

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100102	VÕ LÊ KHÁNH	DUY	26/03/2005	10C1	
2	100103	NGUYỄN HOÀNG MINH	DUY	26/06/2005	10C1	
3	100704	TRƯƠNG KIM	DUYÊN	22/10/2005	10C7	
4	100404	LÊ HOÀNG KỲ	DUYÊN	06/01/2005	10C4	
5	100604	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	18/03/2005	10C6	
6	100503	TRƯƠNG MỸ	DUYÊN	05/03/2005	10C5	
7	100504	ĐOÀN THỊ THUỶ	DƯƠNG	20/09/2005	10C5	
8	100206	LÊ THỊ THUỶ	DƯƠNG	08/02/2005	10C2	
9	100405	LẠI NGUYỄN	ĐẠI	30/01/2005	10C4	
10	100605	TRẦN THỊ THÚY	ĐÀO	07/01/2005	10C6	
11	100505	HUỲNH PHÁT	ĐẠT	11/06/2005	10C5	
12	100606	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	24/05/2005	10C6	
13	100705	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	09/03/2005	10C7	
14	100506	HỒ TIẾN	ĐẠT	05/09/2005	10C5	
15	100207	ĐỒNG XUÂN	ĐẠT	06/02/2005	10C2	
16	100406	NGUYỄN ANH	ĐỨC	19/12/2005	10C4	
17	100104	NGUYỄN TRÚC	GIANG	05/11/2005	10C1	
18	100208	HUỲNH HUỆ MINH	GIÀU	09/01/2005	10C2	
19	100607	LÊ VĂN	GIÀU	19/11/2005	10C6	
20	100105	TRẦN THANH	HÀO	06/03/2005	10C1	
21	100507	LÂM TIẾN	HÀO	12/09/2005	10C5	
22	100209	TRƯƠNG VĨNH	HÀO	16/03/2005	10C2	
23	100106	PHAN NGỌC BẢO	HÂN	23/02/2005	10C1	
24	100706	CAO DA	HÂN	20/10/2005	10C7	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 3

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100308	ĐỖ THỊ	HẬU	17/06/2005	10C3	
2	100107	PHAN TRUNG	HẬU	13/09/2005	10C1	
3	100707	LÊ THỊ	HIỀN	03/06/2005	10C7	
4	100309	VÕ TRANG THU	HIỀN	22/08/2005	10C3	
5	100310	TRẦN NGỌC ANH	HOA	06/03/2005	10C3	
6	100407	HUỖNH THÁI	HÒA	09/08/2005	10C4	
7	100210	PHÙNG LÊ	HOÀNG	14/11/2005	10C2	
8	100311	NGUYỄN KIM	HỒNG	17/09/2005	10C3	
9	100708	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HỒNG	13/12/2005	10C7	
10	100408	TRẦN KIM	HUỆ	26/01/2005	10C4	
11	100709	HUỖNH ĐỨC	HUY	13/11/2005	10C7	
12	100608	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/2005	10C6	
13	100211	HUỖNH NHẬT	HUY	24/02/2005	10C2	
14	100312	NGUYỄN NHẬT	HUY	08/10/2005	10C3	
15	100609	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/2005	10C6	
16	100710	TRỊNH THANH	HUYỀN	30/11/2005	10C7	
17	100108	VÕ NGỌC	HUỖNH	29/11/2003	10C1	
18	100313	TÔ NGỌC SONG	HUỖNH	30/07/2005	10C3	
19	100508	PHẠM NGUYỄN GIA	HÙNG	18/07/2005	10C5	
20	100314	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	12/08/2005	10C3	
21	100509	SÀM	KALOOS	21/05/2005	10C5	
22	100409	NGUYỄN TRỌNG	KHA	08/09/2005	10C4	
23	100410	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANG	26/09/2004	10C4	
24	100315	LÊ TRẦN BẢO	KHANG	28/04/2005	10C3	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 4

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100213	TRƯƠNG HOÀNG	KHANG	11/06/2005	10C2	
2	100109	VŨ VĂN MINH	KHANG	15/12/2005	10C1	
3	100214	HOÀNG QUỐC	KHANG	20/09/2005	10C2	
4	100510	PHẠM TRÍ	KHANG	09/07/2005	10C5	
5	100316	LƯƠNG VĨ	KHANG	30/03/2005	10C3	
6	100711	DƯƠNG NGUYỄN DUY	KHÁNH	01/11/2005	10C7	
7	100215	LÊ HOÀNG NHẬT	KHÁNH	08/07/2005	10C2	
8	100110	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	01/06/2005	10C1	
9	100610	DIỆP ĐĂNG	KHOA	04/04/2005	10C6	
10	100511	LƯƠNG ĐĂNG	KHOA	16/05/2005	10C5	
11	100411	PHAN MINH	KHOA	28/08/2005	10C4	
12	100412	DU LÂM TUYẾT	KHOA	14/12/2005	10C4	
13	100317	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	27/03/2005	10C3	
14	100611	ĐẶNG VIỆT	KHÔI	24/09/2005	10C6	
15	100512	VÕ LÊ MỸ	KHUYÊN	27/06/2005	10C5	
16	100413	TRẦN BẢO	KHƯƠNG	04/11/2005	10C4	
17	100111	NGUYỄN PHẠM GIA	KIỆT	26/07/2005	10C1	
18	100513	HUỲNH TUẤN	KIỆT	06/05/2005	10C5	
19	100414	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	04/07/2005	10C4	
20	100712	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	17/04/2005	10C7	
21	100415	VÕ LÊ DIỄM	KIỀU	24/08/2005	10C4	
22	100416	VÕ NGUYỄN MỸ	KIM	07/11/2005	10C4	
23	100514	TRỊNH	KIM	23/02/2005	10C5	
24	100112	LÊ THỊ NGỌC	LAN	15/03/2005	10C1	

Danh sách này có 24 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 5**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100612	TRỊNH THÙY ÁNH	LINH	21/01/2005	10C6	
2	100318	LÊ HOÀNG KHÁNH	LINH	08/02/2005	10C3	
3	100216	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	12/07/2005	10C2	
4	100217	TRẦN NGỌC	LINH	27/10/2005	10C2	
5	100417	KIỀU PHƯƠNG	LINH	10/05/2005	10C4	
6	100515	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	02/05/2005	10C5	
7	100418	TRẦN BÍCH	LOAN	30/04/2005	10C4	
8	100613	TRẦN THỊ THANH	LOAN	06/11/2005	10C6	
9	100516	MAI HOÀNG	LONG	09/11/2005	10C5	
10	100113	NGUYỄN HOÀNG	LONG	26/08/2005	10C1	
11	100713	TRẦN PHI	LONG	11/09/2005	10C7	
12	100218	NGUYỄN LÂM CÁC	LỘC	28/09/2005	10C2	
13	100319	CAO HOÀNG TẤN	LỘC	14/01/2005	10C3	
14	100320	NGUYỄN KIỀU	MAI	07/01/2005	10C3	
15	100419	LÝ THỊ TUYẾT	MAI	01/03/2005	10C4	
16	100321	PHAN GIA	MẦN	20/07/2005	10C3	
17	100517	HÀ MẦN	MẦN	14/10/2005	10C5	
18	100322	NGUYỄN	MẦN	27/09/2005	10C3	
19	100518	DƯƠNG QUANG	MINH	12/06/2005	10C5	
20	100714	BINDI DHARMESH	MODI	15/11/2005	10C7	
21	100614	NGUYỄN HOÀNG CẨM	MY	28/05/2005	10C6	
22	100323	NGUYỄN HOÀNG DIỄM	MY	24/08/2005	10C3	
23	100715	NGUYỄN LINH THẢO	MY	23/04/2005	10C7	
24	100519	TRẦN NGUYỄN THẢO	MY	05/08/2005	10C5	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 6

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100615	HỒ THỊ NGỌC	MỸ	20/07/2005	10C6	
2	100716	CHÂU THOẠI	MỸ	08/02/2005	10C7	
3	100717	TRẦN VĂN	NAM	27/02/2005	10C7	
4	100324	VÕ NGỌC KIM	NGÂN	13/09/2005	10C3	
5	100718	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/07/2005	10C7	
6	100420	VÕ KIM	NGÂN	29/01/2005	10C4	
7	100219	HỒ THỊ THANH	NGÂN	24/10/2005	10C2	
8	100520	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	15/10/2005	10C5	
9	100521	PHẠM HỒNG XUÂN	NGHI	01/11/2005	10C5	
10	100616	HỒ NGUYỄN MINH	NGHĨA	02/12/2005	10C6	
11	100220	TRẦN NHƯ BẢO	NGỌC	16/11/2005	10C2	
12	100719	LÊ THỊ BẢO	NGỌC	11/02/2005	10C7	
13	100114	TRẦN BẢO	NGỌC	19/07/2005	10C1	
14	100720	MAI THỊ HỒNG	NGỌC	16/08/2005	10C7	
15	100617	THÁI CHẤN	NGUYỄN	31/03/2005	10C6	
16	100721	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	11/07/2004	10C7	
17	100115	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	08/06/2005	10C1	
18	100421	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	NGUYỄN	04/12/2005	10C4	
19	100221	LÊ PHÚC	NHÂN	01/12/2005	10C2	
20	100618	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	05/01/2005	10C6	
21	100222	HỒNG	NHẬT	10/08/2005	10C2	
22	100116	VU TRẦN ÁI	NHI	12/02/2005	10C1	
23	100422	TRẦN VÕ KIM	NHI	06/07/2005	10C4	
24	100223	PHẠM TÂM	NHI	10/05/2005	10C2	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100325	TĂNG TÂM	NHI	28/07/2005	10C3	
2	100619	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	10/10/2005	10C6	
3	100326	MAI THỊ XUÂN	NHI	11/02/2005	10C3	
4	100224	TẠ HOÀNG YẾN	NHI	16/11/2005	10C2	
5	100327	LÊ YẾN	NHI	06/02/2005	10C3	
6	100423	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	04/11/2005	10C4	
7	100117	HUỖNH CẨM	NHUNG	10/12/2005	10C1	
8	100328	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUNG	11/12/2005	10C3	
9	100620	NGUY	NHUNG	06/06/2004	10C6	
10	100141	ĐÀO THỊ	NHUNG	27/01/2005	10C1	
11	100722	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	25/12/2005	10C7	
12	100621	MAI THỊ TUYẾT	NHUNG	14/04/2005	10C6	
13	100118	NGUYỄN KHÁNH	NHU'	14/07/2005	10C1	
14	100424	LÊ NGỌC QUỲNH	NHU'	22/10/2005	10C4	
15	100522	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHU'	01/09/2005	10C5	
16	100119	THÁI NGUYỄN BẢO	NI	01/03/2005	10C1	
17	100329	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÁT	25/05/2005	10C3	
18	100330	DIỆP HOÀNG	PHÁT	29/07/2005	10C3	
19	100523	HỨA KIM	PHÁT	14/11/2004	10C5	
20	100622	HUỖNH TẤN	PHÁT	29/05/2005	10C6	
21	100120	ĐẶNG NGUYỄN TẤN	PHÁT	01/08/2005	10C1	
22	100425	PHẠM TẤN	PHÁT	25/02/2005	10C4	
23	100121	NGUYỄN THƯƠNG	PHÁT	03/09/2005	10C1	
24	100122	NGUYỄN TRẦN THANH	PHONG	29/11/2005	10C1	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 8

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100331	VÕ ĐĂNG	PHÚC	14/07/2005	10C3	
2	100123	HÀ GIA	PHÚC	24/10/2005	10C1	
3	100426	CHÂU HOÀNG	PHÚC	03/11/2005	10C4	
4	100225	TRẦN NGÔ HOÀNG	PHÚC	23/09/2005	10C2	
5	100427	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	11/11/2005	10C4	
6	100723	THÁI HOÀNG	PHÚC	28/07/2005	10C7	
7	100623	VÕ THỊ HỒNG	PHÚC	07/04/2005	10C6	
8	100624	DƯƠNG QUANG	PHÚC	04/03/2005	10C6	
9	100524	NGUYỄN TẤN	PHÚC	11/02/2005	10C5	
10	100724	TRẦN TẤN	PHÚC	12/12/2005	10C7	
11	100725	TRẦN THANH	PHÚC	06/06/2005	10C7	
12	100525	VÕ THANH	PHÚC	01/12/2005	10C5	
13	100526	LÊ DƯƠNG VĂN	PHÚC	13/03/2005	10C5	
14	100332	HÀNG KIM	PHỤNG	27/08/2005	10C3	
15	100625	DIÊU THÀNH	PHƯỚC	27/07/2005	10C6	
16	100527	HUỲNH HOÀNG	PHƯƠNG	26/08/2005	10C5	
17	100428	HUỲNH THỊ MỸ	PHƯƠNG	09/09/2005	10C4	
18	100528	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	14/12/2004	10C5	
19	100726	NGUYỄN CHÍ	QUANG	25/09/2005	10C7	
20	100124	PHAN MINH	QUANG	16/01/2005	10C1	
21	100125	NGUYỄN PHẠM MINH	QUÂN	07/02/2005	10C1	
22	100226	NGUYỄN CAO PHÚ	QUÝ	24/09/2005	10C2	
23	100429	ĐẶNG CHÂU HOÀNG	QUYÊN	18/11/2005	10C4	
24	100626	HUỲNH TÚ	QUYÊN	08/04/2005	10C6	

Danh sách này có 24 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 9**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100627	NGÔ THỊ NHƯ'	QUỲNH	17/11/2005	10C6	
2	100227	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	01/06/2005	10C2	
3	100727	TRƯƠNG THỊ THUÝ	QUỲNH	20/11/2005	10C7	
4	100430	NGUYỄN HỮU	SANG	02/06/2005	10C4	
5	100228	LÊ PHƯỚC	SANG	15/12/2005	10C2	
6	100431	NGUYỄN TẤN THÁI	SƠN	26/07/2005	10C4	
7	100229	TRẦN TRUNG	SƠN	21/07/2005	10C2	
8	100126	CHUNG ANH	TÀI	24/04/2005	10C1	
9	100728	NGUYỄN HOÀNG HỮU	TÀI	01/06/2005	10C7	
10	100127	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	21/02/2005	10C1	
11	100529	LÊ THÀNH QUÝ	TÂM	21/06/2005	10C5	
12	100432	KIỀU THANH	TÂN	03/11/2005	10C4	
13	100128	TRINH NGUYỄN HOÀNG	TẤN	29/11/2005	10C1	
14	100729	LÂM QUỐC	THÁI	03/10/2005	10C7	
15	100730	THÁI MINH	THÀNH	10/05/2005	10C7	
16	100628	BÙI XUÂN	THÀNH	29/11/2005	10C6	
17	100630	ĐỖ NGỌC	THẢO	13/09/2005	10C6	
18	100230	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/08/2005	10C2	
19	100333	ĐỖ LÊ THẠCH	THẢO	08/10/2005	10C3	
20	100433	NGUYỄN THANH	THẢO	12/12/2005	10C4	
21	100129	NGUYỄN THỊ	THẢO	04/09/2005	10C1	
22	100631	TRẦN LÂM NGỌC	THỊ	22/06/2005	10C6	
23	100231	LÊ MINH	THIỆN	18/11/2005	10C2	
24	100731	NGÔ HOÀNG	THIỆN	28/09/2005	10C7	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 10

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100530	NGUYỄN HỒNG	THIỆN	18/04/2005	10C5	
2	100531	LÊ QUỐC	THIỆN	16/04/2005	10C5	
3	100632	VÕ THÀNH	THIỆN	01/03/2005	10C6	
4	100334	LÊ ĐỨC	THỊNH	14/07/2005	10C3	
5	100532	VŨ ĐỨC	THỊNH	15/08/2005	10C5	
6	100232	TRẦN PHẠM QUANG	THỊNH	27/09/2005	10C2	
7	100130	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	13/03/2005	10C1	
8	100633	NGUYỄN MINH	THUẬN	26/11/2005	10C6	
9	100533	TRẦN MINH	THUẬN	11/05/2005	10C5	
10	100733	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THUY	26/02/2005	10C7	
11	100434	NGUYỄN ĐẶNG HẢI	THÙY	22/02/2005	10C4	
12	100634	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	30/12/2005	10C6	
13	100335	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	31/03/2005	10C3	
14	100131	NGUYỄN ANH	THƯ	06/01/2005	10C1	
15	100534	BÙI NGỌC MINH	THƯ	22/12/2005	10C5	
16	100233	TRẦN MINH	THƯ	04/10/2005	10C2	
17	100435	TRƯƠNG NGỌC	THƯ	27/09/2005	10C4	
18	100734	NGUYỄN HOÀNG	THƯƠNG	28/11/2005	10C7	
19	100735	DƯƠNG THỊ HỒNG	THY	06/04/2005	10C7	
20	100337	NGUYỄN YẾN	THY	03/07/2005	10C3	
21	100635	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	07/07/2005	10C6	
22	100132	PHẠM THỊ THUY	TIÊN	20/10/2005	10C1	
23	100535	ĐOÀN HOÀNG	TIỀN	28/09/2005	10C5	
24	100736	NGUYỄN VĂN	TIẾN	11/07/2004	10C7	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 11

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100338	PHẠM VĂN	TOÀN	07/10/2005	10C3	
2	100234	NGUYỄN PHẠM THÙY	TRANG	09/10/2005	10C2	
3	100636	TRẦN THỊ XUÂN	TRANG	25/10/2005	10C6	
4	100133	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	25/10/2005	10C1	
5	100235	PHẠM HÀ MAI	TRÂN	08/08/2005	10C2	
6	100737	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂN	01/06/2005	10C7	
7	100536	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	24/01/2005	10C5	
8	100236	HỒ MINH	TRÍ	28/09/2005	10C2	
9	100237	CAO THỊ MỸ	TRINH	10/06/2005	10C2	
10	100738	NGUYỄN PHƯỚC	TRỌNG	10/04/2005	10C7	
11	100436	ĐỖ TẠ ANH	TRÚC	21/06/2005	10C4	
12	100238	NGUYỄN THANH HỒNG	TRÚC	16/06/2005	10C2	
13	100542	ĐINH THỊ HỒNG	TRÚC	19/10/2004	10C5	
14	100437	NGUYỄN HUY	TRÚC	12/02/2005	10C4	
15	100134	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	TRÚC	17/04/2005	10C1	
16	100339	HUỲNH DƯƠNG THANH	TRÚC	19/07/2005	10C3	
17	100438	HUỲNH HOÀNG	TRUNG	16/09/2005	10C4	
18	100135	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	TRUNG	05/01/2005	10C1	
19	100537	TRẦN THÀNH	TRUNG	09/12/2005	10C5	
20	100340	VÕ THÀNH	TRUNG	18/07/2005	10C3	
21	100136	THIỆU VĂN	TRUNG	27/09/2005	10C1	
22	100439	HUỲNH NGUYỄN TRUNG	TRỰC	25/02/2005	10C4	
23	100239	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	13/06/2005	10C2	
24	100637	PHẠM CÔNG	TRƯỜNG	13/08/2005	10C6	

Danh sách này có 24 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 12

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	100638	NGUYỄN KHÁNH	TUẤN	13/08/2004	10C6	
2	100137	NGUYỄN ANH	TUYỀN	24/12/2005	10C1	
3	100240	NGHI ANH THÙY	TUYỀN	04/01/2005	10C2	
4	100538	DƯƠNG THỊ MỘNG	TUYỀN	19/12/2005	10C5	
5	100639	LƯƠNG THỊ GIÁNG	TUYẾT	11/04/2005	10C6	
6	100539	NGUYỄN LÝ GIA	TƯỜNG	23/08/2005	10C5	
7	100739	LÊ VĨNH	TƯỜNG	21/12/2005	10C7	
8	100640	TẠ LÊ KHÁNH	UYÊN	20/04/2005	10C6	
9	100540	PHẠM HUỲNH NGỌC	UYÊN	21/02/2005	10C5	
10	100740	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYÊN	19/04/2005	10C7	
11	100440	NGUYỄN DIỆU NHÃ	UYÊN	12/10/2005	10C4	
12	100641	PHAN THỊ THANH	VÂN	27/01/2005	10C6	
13	100741	ĐỖ THÙY	VÂN	03/09/2005	10C7	
14	100541	HUỲNH NHẬT	VI	23/04/2005	10C5	
15	100241	VÕ HOÀNG	VIỆT	19/02/2005	10C2	
16	100341	HOÀNG PHI	VIỆT	06/06/2005	10C3	
17	100441	DƯƠNG QUỐC	VINH	02/07/2005	10C4	
18	100138	NGUYỄN LONG	VŨ	10/01/2005	10C1	
19	100242	LÊ HOÀNG NGUYỄN	VŨ	09/04/2004	10C2	
20	100442	TÔ NGUYỄN LÊ	VY	15/11/2005	10C4	
21	100342	NGUYỄN KHÁNH TƯỜNG	VY	16/11/2005	10C3	
22	100139	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	09/06/2005	10C1	
23	100642	TRẦN TRIỆU YẾN	VY	05/10/2005	10C6	
24	100140	TRANG CÔNG	XUÂN	20/01/2005	10C1	
25	100742	LÊ THỊ NGỌC	YẾN	20/02/2005	10C7	

Danh sách này có 25 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 13

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110501	NGUYỄN HOÀNG	AN	16/11/2004	11B5	
2	110701	HÀ HUỖNH THÚY	AN	18/11/2004	11B7	
3	110601	LÊ THỊ KIỀU	ANH	01/11/2004	11B6	
4	110301	DƯƠNG QUỲNH	ANH	27/11/2004	11B3	
5	110702	NGUYỄN NGỌC BẢO	ÂN	14/11/2004	11B7	
6	110401	LÊ THỊ CẨM	ÂN	31/07/2004	11B4	
7	110101	NGUYỄN THANH	ÂN	26/01/2004	11B1	
8	110502	TRẦN ANH	BẢO	13/12/2004	11B5	
9	110503	TRƯƠNG ANH	BẢO	12/09/2004	11B5	
10	110402	VÕ HUỖNH GIA	BẢO	28/07/2004	11B4	
11	110302	TRƯƠNG GIA	BẢO	25/09/2004	11B3	
12	110403	TRỊNH HOÀI	BẢO	06/08/2004	11B4	
13	110602	LÝ THIÊN	BẢO	30/01/2004	11B6	
14	110201	LÝ NGỌC	BÍCH	11/11/2004	11B2	
15	110202	NGÔ THỊ THÚY	CHÂU	14/09/2004	11B2	
16	110203	PHAN CÔNG	CHỨC	09/08/2004	11B2	
17	110603	ĐÀO LINH	CHƯƠNG	28/07/2004	11B6	
18	110703	DƯƠNG VĂN	CÓ	24/08/2004	11B7	
19	110704	ĐỖ HIẾU	CƯỜNG	01/05/2004	11B7	
20	110705	LA TUẤN	CƯỜNG	02/02/2004	11B7	
21	110706	LÊ TRỊNH HOÀNG	DANH	12/08/2004	11B7	
22	110204	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/04/2004	11B2	
23	110707	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	15/02/2004	11B7	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 14

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110504	NGUYỄN HOÀNG	DINH	24/09/2004	11B5	
2	110303	ĐẶNG THANH	DOANH	17/06/2004	11B3	
3	110604	VÕ NGỌC THÙY	DUNG	11/05/2004	11B6	
4	110205	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	25/01/2003	11B2	
5	110708	PHAN HÙNG	DŨNG	21/06/2004	11B7	
6	110709	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	20/08/2004	11B7	
7	110710	NGUYỄN MINH	DUY	24/03/2004	11B7	
8	110404	NGUYỄN CAO KỶ	DUYÊN	08/02/2004	11B4	
9	110206	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	07/12/2004	11B2	
10	110605	BÙI PHONG	ĐẠT	24/10/2004	11B6	
11	110102	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	19/10/2004	11B1	
12	110304	LẠI KHÁNH THÀNH	ĐẠT	26/03/2004	11B3	
13	110505	LÂM THÀNH	ĐẠT	10/07/2004	11B5	
14	110305	TRẦN THÀNH	ĐẠT	06/04/2004	11B3	
15	110103	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/03/2004	11B1	
16	110506	BÙI TIẾN	ĐẠT	16/08/2004	11B5	
17	110306	ĐÀO VĂN	ĐỘ	22/03/2004	11B3	
18	110507	ĐỖ HỮU THIÊN CHẤN	ĐÔNG	26/05/2004	11B5	
19	110307	NGUYỄN HỒ HẢI	ĐÔNG	13/12/2004	11B3	
20	110405	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	17/09/2004	11B4	
21	110711	PHÙNG XUÂN	ĐÔNG	11/01/2003	11B7	
22	110606	NGUYỄN ANH	ĐỨC	29/12/2004	11B6	
23	110104	LÊ HUỖNH	ĐỨC	19/05/2004	11B1	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 15

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110207	TRẦN MINH	ĐỨC	26/01/2004	11B2	
2	110308	ĐẶNG THÀNH	ĐỨC	03/11/2004	11B3	
3	110105	NGÔ THỊ HỒNG	GẮM	20/05/2004	11B1	
4	110106	LA QUỐC HOÀNG	GIANG	11/09/2004	11B1	
5	110712	SEN THANH	HÀ	30/08/2004	11B7	
6	110508	NGUYỄN HOÀNG THANH	HẢI	11/04/2004	11B5	
7	110208	LÂM VĂN	HẢI	12/04/2004	11B2	
8	110406	CAO CHÍ	HÀO	22/07/2004	11B4	
9	110607	DƯƠNG GIA	HÀO	29/08/2004	11B6	
10	110608	TRỊNH GIA	HÀO	16/02/2004	11B6	
11	110209	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HẰNG	07/11/2004	11B2	
12	110407	MAI THANH	HẰNG	11/10/2004	11B4	
13	110107	DƯƠNG BẢO	HÂN	13/06/2002	11B1	
14	110509	THÁI THỊ BẢO	HÂN	14/10/2004	11B5	
15	110408	VŨ GIA	HÂN	27/08/2004	11B4	
16	110409	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	06/12/2003	11B4	
17	110510	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	05/05/2004	11B5	
18	110309	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	01/07/2004	11B3	
19	110310	NGUYỄN PHAN TRUNG	HẬU	28/05/2004	11B3	
20	110609	TRẦN TRUNG	HẬU	04/09/2004	11B6	
21	110311	LÊ NGỌC	HIỀN	19/04/2004	11B3	
22	110312	NGUYỄN CHUNG MINH	HIẾU	25/01/2004	11B3	
23	110210	NGUYỄN DƯƠNG THANH	HIẾU	25/05/2004	11B2	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 16

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110713	THẠCH THỊ KIỀU	HOA	16/03/2003	11B7	
2	110714	NGUYỄN ĐÌNH	HOAN	05/02/2004	11B7	
3	110410	TRẦN TẤN	HOAN	05/10/2004	11B4	
4	110211	THÁI PHẠM MY	HOÀN	06/02/2004	11B2	
5	110313	LƯU TRỊNH HUY	HOÀNG	09/03/2004	11B3	
6	110411	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/2004	11B4	
7	110610	TRẦN LƯU TRUNG	HOÀNG	23/06/2004	11B6	
8	110511	NGÔ THỊ CẨM	HỒNG	20/02/2004	11B5	
9	110611	NGUYỄN HỮU	HUÂN	29/04/2004	11B6	
10	110715	NGÔ MINH	HÙNG	25/01/2004	11B7	
11	110512	NGUYỄN VĂN	HÙNG	14/10/2004	11B5	
12	110716	NGUYỄN KHÁNH	HUY	06/04/2004	11B7	
13	110314	SỖ NHẬT	HUY	06/03/2004	11B3	
14	110108	NGUYỄN QUỐC	HUY	20/10/2004	11B1	
15	110109	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	18/10/2004	11B1	
16	110315	VÕ THỊ THU	HUYỀN	11/03/2004	11B3	
17	110212	NGUYỄN LÊ	HÙNG	07/10/2004	11B2	
18	110213	LÊ NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	17/01/2004	11B2	
19	110717	DƯƠNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	06/04/2004	11B7	
20	110513	MOHA MACH	KASIM	10/04/2004	11B5	
21	110612	TRẦN HOÀNG	KHANG	27/06/2004	11B6	
22	110718	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	03/08/2004	11B7	
23	110514	HỒ PHÚ	KHÁNH	26/04/2004	11B5	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 17

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110613	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG	KHOA	24/09/2004	11B6	
2	110110	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	16/06/2004	11B1	
3	110614	NGUYỄN THANH	KHÔI	17/12/2004	11B6	
4	110412	NGUYỄN DUY AN	KHƯƠNG	01/12/2004	11B4	
5	110316	ĐỖ HỮU TRUNG	KIÊN	23/03/2004	11B3	
6	110317	ĐỖ LÊ TRUNG	KIÊN	08/11/2004	11B3	
7	110719	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	06/03/2004	11B7	
8	110318	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/03/2004	11B3	
9	110319	TRƯƠNG THỊ THÚY	KIỀU	27/05/2004	11B3	
10	110320	TRẦN HỒ	KỶ	11/10/2004	11B3	
11	110515	TRẦN NGỌC	LAN	04/11/2004	11B5	
12	110111	BÙI THỊ NHƯ	LAN	15/02/2004	11B1	
13	110413	PHẠM ÚT XUÂN	LAN	10/09/2004	11B4	
14	110414	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	29/04/2004	11B4	
15	110415	NGÔ THỊ THUỖ	LINH	25/11/2004	11B4	
16	110615	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	30/03/2004	11B6	
17	110720	NGUYỄN HOÀNG MINH	LOAN	30/11/2003	11B7	
18	110214	CAO BẢO	LONG	09/02/2004	11B2	
19	110516	DƯƠNG THÀNH	LONG	06/04/2004	11B5	
20	110416	NGUYỄN THÀNH	LONG	22/09/2004	11B4	
21	110215	NGUYỄN THÀNH	LONG	06/02/2004	11B2	
22	110321	LẠI HOÀNG	LỘC	06/08/2004	11B3	
23	110616	PHẠM PHÚ	LỘC	22/08/2004	11B6	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 18

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110322	TRÀ TRẦN TẤN	LỘC	12/06/2004	11B3	
2	110721	LẠI HOÀNG	LỢI	06/08/2004	11B7	
3	110417	CAO MINH	LỢI	22/12/2004	11B4	
4	110323	NGUYỄN HỮU	LUÂN	10/11/2004	11B3	
5	110112	NGUYỄN HÀ THANH	MAI	04/08/2004	11B1	
6	110418	CAO NGUYỄN ANH	MẠNH	28/05/2004	11B4	
7	110324	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	22/12/2004	11B3	
8	110617	NGUYỄN CÔNG	MINH	03/12/2004	11B6	
9	110419	NGUYỄN PHAN HOÀI	MINH	10/09/2004	11B4	
10	110113	LÊ MINH	MUÔN	30/10/2004	11B1	
11	110325	MAI THỊ HÀ	MY	26/03/2004	11B3	
12	110517	PHAN NGUYỄN HOÀI	NAM	06/08/2004	11B5	
13	110518	QUÁCH TÚ	NGA	05/12/2004	11B5	
14	110519	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	25/08/2004	11B5	
15	110216	LÝ KIM	NGÂN	17/08/2004	11B2	
16	110520	TRẦN KIM	NGÂN	28/11/2004	11B5	
17	110722	LÊ THỊ MỸ	NGÂN	21/06/2004	11B7	
18	110521	VÕ THỊ THANH	NGÂN	20/06/2004	11B5	
19	110522	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	13/07/2004	11B5	
20	110217	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	NGHI	16/08/2004	11B2	
21	110420	CAO TRỌNG	NGHĨA	09/12/2004	11B4	
22	110523	LÊ TRỌNG	NGHĨA	28/10/2004	11B5	
23	110326	NGUYỄN TRẦN HIẾU	NGỌC	30/12/2004	11B3	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 19

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110114	LẠI THỊ KIM	NGỌC	10/03/2004	11B1	
2	110421	SEN THANH	NGỌC	30/08/2004	11B4	
3	110618	HUỲNH DIỆP THÀNH	NHÂN	03/04/2004	11B6	
4	110524	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN	18/05/2004	11B5	
5	110525	NGUYỄN MINH	NHẬT	21/12/2003	11B5	
6	110422	NGUYỄN MINH	NHẬT	06/12/2004	11B4	
7	110115	TRẦN HẠNH	NHI	26/05/2004	11B1	
8	110218	NGUYỄN NGỌC	NHI	07/06/2004	11B2	
9	110116	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHI	29/12/2004	11B1	
10	110423	TRỊNH HOÀNG TUYẾT	NHI	26/03/2004	11B4	
11	110526	NGUYỄN THANH TUYẾT	NHI	26/11/2004	11B5	
12	110219	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	08/11/2004	11B2	
13	110424	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/08/2004	11B4	
14	110527	LÂM UYÊN	NHI	22/05/2004	11B5	
15	110117	NGUYỄN Ý	NHI	08/11/2004	11B1	
16	110425	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	12/06/2004	11B4	
17	110220	LỘ THỊ CẨM	NHUNG	15/10/2003	11B2	
18	110118	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	02/06/2004	11B1	
19	110221	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	18/12/2004	11B2	
20	110723	PHẠM NGỌC	NHU'	01/12/2004	11B7	
21	110528	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	NHU'	07/10/2004	11B5	
22	110426	NGUYỄN THỊ YẾN	NHU'	02/08/2004	11B4	
23	110327	BÙI GIA	NHỤT	17/08/2004	11B3	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 20

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110529	NGUYỄN THỊ TUYẾT	OANH	08/10/2004	11B5	
2	110427	NGUYỄN PHỤNG HỒNG	PHÁT	16/02/2004	11B4	
3	110428	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	06/10/2004	11B4	
4	110429	HUỲNH THÀNH	PHÁT	07/11/2004	11B4	
5	110619	HUỲNH TIẾN	PHÁT	09/01/2004	11B6	
6	110328	VÕ HOÀNG	PHONG	25/11/2003	11B3	
7	110620	NGÔ ĐÔNG LÊ	PHONG	23/09/2004	11B6	
8	110222	NGUYỄN THANH	PHONG	27/11/2004	11B2	
9	110329	PHẠM XUÂN	PHONG	13/03/2004	11B3	
10	110330	LÊ NGỌC	PHÚ	07/05/2004	11B3	
11	110430	LÊ NGỌC	PHÚ	06/04/2004	11B4	
12	110530	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	26/05/2004	11B5	
13	110431	HUỲNH THANH	PHÚ	25/11/2003	11B4	
14	110531	NGUYỄN VĂN	PHÚ	08/02/2004	11B5	
15	110432	HUỲNH LÊ KIM	PHÚC	22/04/2004	11B4	
16	110433	TRẦN NGỌC	PHÚC	30/06/2004	11B4	
17	110532	NGUYỄN VỸ	PHÚC	24/07/2004	11B5	
18	110724	PHẠM VĂN	PHỤC	12/08/2004	11B7	
19	110119	VÕ MINH	PHỤNG	25/03/2004	11B1	
20	110533	ĐỖ HUY	PHƯỚC	26/10/2004	11B5	
21	110120	LÊ HỒNG	PHƯƠNG	15/11/2004	11B1	
22	110621	ĐỖ NGUYỄN	PHƯƠNG	10/10/2003	11B6	
23	110223	LẠI THỊ KIM	QUYÊN	20/03/2004	11B2	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 21

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110434	TRẦN TẮC	QUYỀN	18/09/2004	11B4	
2	110534	PHẠM NGÔ SỸ	QUYẾT	08/12/2004	11B5	
3	110622	LÊ HỒ NHƯ	QUỖNH	13/09/2004	11B6	
4	110623	LÊ THIẾT	SANG	10/06/2003	11B6	
5	110121	NGUYỄN THỊ THANH	SEN	29/04/2004	11B1	
6	110624	PHAN GIA	TÀI	01/12/2004	11B6	
7	110535	NGUYỄN THÀNH	TÀI	08/11/2004	11B5	
8	110625	NGÔ THANH	TÂM	29/09/2004	11B6	
9	110122	PHẠM QUỐC	TẤN	22/04/2004	11B1	
10	110331	VÕ VĂN	THÁI	16/12/2004	11B3	
11	110725	HỨA THIÊN	THANH	14/09/2004	11B7	
12	110536	NGÔ KHAI	THÀNH	14/01/2004	11B5	
13	110726	PHẠM XUÂN	THÀNH	27/03/2004	11B7	
14	110626	NGUYỄN THANH	THẢO	04/06/2004	11B6	
15	110435	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	18/06/2004	11B4	
16	110123	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	02/11/2004	11B1	
17	110627	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	19/08/2003	11B6	
18	110224	HUỖNH THỊ HỒNG	THI	19/04/2004	11B2	
19	110628	DƯƠNG THỊ MINH	THI	02/04/2004	11B6	
20	110629	HUỖNH THỊ KIM	THIỆN	12/11/2004	11B6	
21	110630	ĐẶNG LÊ HUY	THỊNH	11/10/2004	11B6	
22	110124	ĐOÀN THỊ KIM	THOA	27/03/2004	11B1	
23	110727	TRẦN VÕ KIM	THUẬN	04/11/2004	11B7	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 22

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110728	TẠ LÝ	THUẬN	09/06/2004	11B7	
2	110436	VƯƠNG LÊ HIỀN	THỰC	27/10/2004	11B4	
3	110437	TỪ GIANG	THÙY	25/10/2003	11B4	
4	110537	ĐOÀN THỊ THANH	THỦY	14/08/2004	11B5	
5	110225	ĐẶNG THỊ THU	THỦY	30/09/2004	11B2	
6	110538	LÝ ANH	THƯ	09/06/2004	11B5	
7	110332	TRIỆU ANH	THƯ	27/09/2004	11B3	
8	110226	PHAN NGUYỄN HOÀNG	THƯ	18/06/2004	11B2	
9	110438	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	01/12/2004	11B4	
10	110125	VÕ MINH	THƯ	18/04/2004	11B1	
11	110631	TRẦN CAO HOÀI	THƯƠNG	01/04/2004	11B6	
12	110126	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THY	19/12/2004	11B1	
13	110632	TRẦN NGÔ NGỌC HỒNG	THY	20/10/2004	11B6	
14	110127	TRẦN THỊ CẨM	TIÊN	01/10/2004	11B1	
15	110539	CHÂU KIỀU	TIÊN	16/09/2004	11B5	
16	110540	NGUYỄN NGỌC THUY	TIÊN	12/11/2004	11B5	
17	110333	HOÀNG	TIẾN	26/03/2004	11B3	
18	110334	TRẦN MINH	TÍNH	09/10/2004	11B3	
19	110633	HUỲNH BẢO	TOÀN	06/01/2004	11B6	
20	110227	NGUYỄN THỊ BÉ	TRANG	10/12/2004	11B2	
21	110634	PHẠM THỊ ĐOÀN	TRANG	16/12/2004	11B6	
22	110729	NGUYỄN NGỌC MINH	TRANG	08/08/2004	11B7	
23	110635	TRẦN NGỌC THU	TRANG	01/03/2004	11B6	

Danh sách này có 23 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 23

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110541	PHẠM THỊ THU	TRANG	19/12/2004	11B5	
2	110335	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/04/2004	11B3	
3	110636	DƯƠNG THẠCH BẢO	TRÂN	01/01/2004	11B6	
4	110637	NGUYỄN ANH	TRÍ	13/04/2004	11B6	
5	110228	TRẦN THỊ ANH	TRÚC	02/11/2004	11B2	
6	110439	ĐẶNG KIM	TRÚC	28/12/2004	11B4	
7	110229	HUỲNH PHƯƠNG	TRÚC	10/12/2004	11B2	
8	110730	BÙI DƯƠNG THANH	TRÚC	07/08/2004	11B7	
9	110128	PHẠM NGUYỄN THANH	TRÚC	23/06/2004	11B1	
10	110731	PHẠM THỊ XUÂN	TRÚC	20/07/2004	11B7	
11	110732	NGUYỄN PHƯỚC	TRUNG	25/11/2004	11B7	
12	110230	NGUYỄN MẠNH	TRƯỜNG	13/07/2004	11B2	
13	110733	TRẦN ANH	TÚ	04/11/2004	11B7	
14	110734	TRẦN NGUYỄN ANH	TUẤN	03/01/2004	11B7	
15	110735	PHẠM VÕ ANH	TUẤN	30/11/2004	11B7	
16	110440	NGUYỄN MINH	TUẤN	15/01/2004	11B4	
17	110441	TRẦN MINH THỂ	TUẤN	27/01/2004	11B4	
18	110638	ĐÀO TRỌNG	TUẤN	20/04/2004	11B6	
19	110231	LÝ THANH	TUYỀN	04/06/2004	11B2	
20	110129	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	UYÊN	05/05/2004	11B1	
21	110130	VĂN MỸ	UYÊN	18/08/2004	11B1	
22	110131	PHẠM NGUYỄN NGỌC	UYÊN	12/11/2004	11B1	
23	110336	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	02/11/2004	11B3	

Danh sách này có 23 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH KTGK HK1
PHÒNG: 24**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	110132	ĐOÀN THẢO	UYÊN	17/11/2004	11B1	
2	110133	ĐẶNG TRẦN THANH	VÂN	22/04/2004	11B1	
3	110337	ĐOÀN THỊ THU	VÂN	17/11/2004	11B3	
4	110442	LÊ CÔNG	VINH	11/03/2004	11B4	
5	110736	LÍ HỒNG	VŨ	04/03/2004	11B7	
6	110737	NGUYỄN MỘNG ANH	VY	27/11/2004	11B7	
7	110738	LÊ NGUYỄN HẢI	VY	15/07/2004	11B7	
8	110134	LẠI THỊ KHÁNH	VY	26/07/2004	11B1	
9	110338	NGUYỄN THÁI NGỌC	VY	09/04/2004	11B3	
10	110639	NGUYỄN THỊ THANH	VY	04/05/2004	11B6	
11	110232	PHẠM NGỌC THÚY	VY	25/07/2004	11B2	
12	110233	ĐÀO THỊ THÚY	VY	17/07/2004	11B2	
13	110135	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	10/04/2004	11B1	
14	110136	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	29/06/2004	11B1	
15	110234	TRƯƠNG NHẬT Ý	VY	27/02/2004	11B2	
16	110339	TRẦN KHÁNH	XUÂN	22/10/2004	11B3	
17	110739	BÙI THỊ KIM	XUÂN	16/09/2004	11B7	
18	110137	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	20/05/2004	11B1	
19	110640	ĐỖ THỤY THANH	XUÂN	12/07/2004	11B6	
20	110340	TỔNG THỊ HOÀNG	YẾN	16/10/2004	11B3	
21	110641	TRẦN VÕ HOÀNG	YẾN	25/08/2004	11B6	
22	110542	NGUYỄN NGỌC KIM	YẾN	30/10/2003	11B5	
23	110235	ĐỖ THỊ NGỌC	YẾN	04/07/2004	11B2	

Danh sách này có 23 học sinh